

## TÔNG CẢNH LỤC

## QUYỂN 54

Hỏi: Ý nói phân biệt vạn hữu đều không thì danh nghĩa không tánh, tất cả chúng sinh ở trong thấy nghe đáng như chẳng thành điên đảo, vì trong danh không nghĩa, trong nghĩa không danh, đều là khách vậy ư?

Đáp: Muôn pháp vốn không, huân tập thành có, ở trong vốn không khởi các tình chấp điên đảo. Trong luận Thật Tánh nói: “Hỏi trong danh không nghĩa, trong nghĩa không danh, cả hai đều là khách, nếu người chấp danh khác nghĩa, nghĩa khác danh, người đó đã không điên đảo, thì ở trong nghĩa không nên lánh chấp, chẳng nên nghe nói tốt xấu mà sinh tâm vui buồn, danh nghĩa chẳng liên quan nhau vậy, phải biết nghĩa khách là người điên đảo? Đáp: Do thời gian lâu dài từng tập điên đảo nên có lánh chấp đây, chẳng liên quan danh nghĩa tương ứng. Do danh nói tâm huân tập nên hẳn do pháp môn đây sinh tâm phân biệt, khởi hư vọng lánh chấp” như trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

*“Khi ấy Kim cang tạng,  
Lại nói cùng đại chúng,  
Lại-da từ vô thủy,  
Là hý luận huân tập,  
Các nghiệp đã trôi buộc,  
Luân chuyển mãi vô cùng,  
Cũng như nói biển lớn,  
Nhân gió nổi sóng cả,  
Luôn danh cũng luôn diệt,  
Chẳng đoạn cũng chẳng thường,  
Do chẳng ngộ tự tâm,  
Tùy thức cảnh giới hiện.  
Nếu rõ ở tự tâm,  
Như lửa đốt củi hết,  
Thông đạt nơi vô lậu,*

Thì gọi là Thánh nhân,  
Tạng thức biến các cảnh,  
Lan tràn nơi thế gian,  
Ý chấp ngã ngã sở,  
Tư lương luôn lưu chuyển,  
Các thức loại sai biệt,  
Mỗi mỗi rõ tự cảnh,  
Tích tập nghiệp làm tâm,  
Tích tập khắp là ý,  
Liễu biệt gọi là thức,  
Năm thức thủ hiện cảnh,  
Như mờ thấy vòng lông,  
Tùy thấy mà mê hoặc,  
Ở trong tâm tợ sắc,  
Chẳng sắc chấp ở sắc,  
Thí như châu ma-ni,  
Ánh nhật nguyệt soi chiếu,  
Tùy chỗ đó ứng hiện,  
Mỗi mưa tự thể loại.  
A-lại-da cũng vậy,  
Như Lai Tạng thanh tịnh,  
Hòa hợp ở tập khí,  
Biến hiện khắp thế gian,  
Cùng vô lậu tương ứng,  
Mưa các pháp công đức,  
Thí như sữa biến khác,  
Thành lạc đến lạc tương,  
Tạng thức cũng như vậy,  
Biến tợ ở các sắc,  
Như mờ thấy vòng lông,  
Hữu tình cũng như vậy,  
Vì tập khí ác mờ,  
Trú tạng thức trong mắt,  
Ở nơi chẳng phải sắc,  
Chỗ thấy các sắc đây,  
Giống như ở Dương diệm,  
Xa lìa ở có không,  
Đều chỗ Lại da hiện,

Nhân giả nương nhĩn sắc,  
Mà danh tợ sắc thức,  
Như huyễn trú trong nhĩn,  
Lay động như lửa đốt,  
Sắc đều là tạng thức,  
Cùng sắc tập tương ưng,  
Biến tợ thể chẳng có,  
Ngu phu vọng phân biệt,  
Các mê say buông lung,  
Ngồi nằm và chạy cuồng,  
Chóng khởi các sự nghiệp.  
Đều là thức Lại-da,  
Như mặt nhật đỏ rực,  
Chiếu rọi khắp nơi đất,  
Hơi bốc như dòng nước,  
Thú khát trong đó chạy,  
Lại-da cũng như vậy,  
Thể tánh thật chẳng sắc,  
Mà tợ ở sắc hiện,  
Ác giác vọng sinh đấm,  
Như nam châm hút sắt,  
Nhanh chóng mà chuyển dời,  
Tuy không ở tình thức,  
Tợ tình thức mà động,  
Như vậy thức Lại-da,  
Làm chỗ sinh tử gồm,  
Qua lại nơi các thú,  
Chẳng ngã mà tợ ngã,  
Như vật trôi giữa biển,  
Vô tư tùy dòng nước,  
Lại-da không phân biệt,  
Thân sau mà chuyển động,  
Thí như hai voi đấu,  
Bị thương mà trọn lùi,  
Lại-da cũng như vậy.  
Đoạn nhiễm không lưu chuyển,  
Thí như hoa sen sạch,  
Lìa bùn mà tinh anh,

Người, trời đều thọ dụng,  
Tất cả đều trân kính,  
Thức Lại-da như vậy,  
Ra khỏi bùn tập khí,  
Chuyển y được thanh tịnh,  
Chỗ Phật Bồ-tát trọng,  
Thí như báu thù thắng,  
Người quê mùa khinh tiện,  
Nếu dùng trang sức mũ,  
Thì vua đội trên đầu,  
Như vậy thức Lại-da,  
Là Phật tánh thanh tịnh,  
Phàm vị luôn tạp nhiễm,  
Phật quả thường quý giữ,  
Như ngọc đẹp trong nước,  
Áo cũ buộc che khuất,  
Lại-da nơi sinh tử,  
Tập khí buộc chẳng hiện,  
Ở thức Lại-da đây,  
Có hai thủ cùng sinh,  
Như rắn có hai đầu,  
Tùy lạc mà đồng đến,  
Lại-da cũng như vậy,  
Cùng đủ các sắc tướng,  
Tất cả các thế gian,  
Thủ đó lấy làm sắc,  
Ác giác là mê hoặc,  
Chấp làm ngã ngã sở,  
Hoặc có hoặc chẳng có,  
Tự tại làm thế gian,  
Lại-da tuy biến hiện,  
Thể tánh luôn lắng sâu,  
Ở các người không trí,  
Đều chẳng năng hiểu rõ,  
Thì như ở huyễn sư,  
Huyễn làm các thứ thú,  
Hoặc đi hoặc là chạy,  
Tợ hữu tình chẳng thật,

*Lại-da cũng như vậy,  
Huyền làm ở thế gian,  
Tất cả các hữu tình,  
Thể tánh không chân thật,  
Phàm ngu chẳng thể rõ,  
Vọng sinh nói thủ trước,  
Khởi vô số thặng tánh,  
Có không khác phân biệt,  
Và cùng ở Phạm thiên,  
Trượng phu và các kiến.”*

Hỏi: Mắt thấy sắc là mắt thấy hay là thức thấy?

Đáp: Chẳng phải nhãn, thức, cảnh v.v... mỗi mỗi có tánh quyết định thấy, chỉ vì ba hòa hợp nên tạm gọi là thấy, năm căn còn lại nghe, ngửi, nếm, xúc v.v... cũng như vậy. Trong luận Tạp Tập nói: “Chẳng phải nhãn thấy sắc cũng chẳng phải thức v.v... vì tất cả pháp không tác dụng, do có hòa hợp giả lập làm thấy. Cho nên gọi là mắt có thể thấy sắc. Lại thức ở nơi căn, chợt vào chợt ra, như nai ở lưới tự chìm ở lồng, mổ một bỏ một, tận cùng trở lại đầu, không tạm ngừng nghỉ, thức ở lồng căn cũng lại như vậy, hoặc tại nơi nhĩ hoặc tại nơi nhãn, đi lại không định, chẳng thể chấp thường, tuy là không định mà tương tục chẳng đoạn, vì diệu dụng không gián cách vậy, nếu phàm phu vì sắc trần trối buộc, chẳng được tự tại, nếu thấy một pháp thì bị một pháp trở ngại, chẳng thể viên thông pháp giới” do đó trong kinh Kim Cang nói: “Nếu tâm Bồ-tát trú nơi pháp mà hành bố thí, như người vào trong tối thì không thấy gì” trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Do trần phát biết, nhãn căn có tướng, tướng thấy không tánh, giống như lau xen” do trần phát biết là tức kiến phần. Nhãn căn có tướng là tức tướng phần, tướng thấy không tánh là, tâm cảnh qua lại sinh mỗi mỗi không tự thể, tâm chẳng tự lập, do trần phát biết, cảnh chẳng tự sinh, nhãn căn có tướng, hai hư giả tựa nhau, như cây lau đan xen thấy biết lập biết, tức gốc vô minh, thấy biết không thấy, đó tức Niết-bàn, nếu suốt rõ nghe, không thể nghe tức thông pháp giới. Nghe tức là Niết-bàn, tất cả các pháp xưa nay là Niết-bàn vì tâm phân biệt vọng thấy làm ngăn cách, chẳng biết tự thức, chợt làm vô minh. Lại trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Duyên thấy nhân sáng, tối thành không thấy, chẳng sáng tự phát, nếu chẳng gá thấy của tối sáng, tức lúc thấy sắc thì thấy các căn khác, nếu lìa niệm thấy khắp pháp giới, núi thiết vi tất cả tướng đều chẳng thể ngăn che, nếu sáu căn ngầm phục thì chẳng được tướng sáu căn,

như mười người cùng mắc bệnh lòa mắt thì cùng thấy hoa đốm giữa hư không, một người mắt sáng thì chẳng thấy, chín người kia lại thấy, mỗi mỗi tự trừ vọng thấy, thì chẳng được tất cả tướng, vật vật đều chân, lại mười mỗi mỗi hoa đốm hư không, một người năng thấy, mười người mắt sáng, các hoa đốm khác đều mất chỉ một vọng trừ đều chẳng thấy các tướng, một tướng thì tất cả tướng, làm tất cả tướng đều tâm ta khởi, vậy biết một mờ lòa ở mắt, ngàn hoa đốm tranh đua bay, một tâm vọng động, các trần đều khởi, nếu năng lìa niệm thì ngay đó ngồi đạo tràng, chuyển đại pháp luân, đều thành Phật đạo.

Hỏi: Như lúc nghe tiếng nói pháp gồm đủ bao nhiêu thức?

Đáp: Có đủ ba thức, thức thứ tám trước gá nơi thanh danh văn cú vô lậu của Phật làm bản chất rồi, nhĩ thức duyên âm thanh, ý thức đồng thời duyên danh cú văn v.v... mới được gọi là nghe. Các bậc cổ đức có hỏi: Thân như lúc duyên thanh danh cú văn của Phật là tự nhĩ thức duyên được danh cú văn gọi là nghe, hay trước cần tự thức thứ tám gá bản chất thanh của Phật, biến khởi tướng phần xong, nhĩ thức ý thức gá tướng phần thức thứ tám làm chất, biến tướng phần duyên mới được nghe ư? Đáp: Nếu vậy, sao lỗi nạn, cả hai đều có lỗi. Nếu thức thứ tám chẳng trước biến âm thanh của Phật, nhĩ thức ý thức bèn duyên danh cú văn, tức trước trong nhân sáu thức yếu kém chẳng thể duyên thẳng phải trước nhờ thức thứ tám biến, nếu thức thứ tám chẳng trước biến, tức ngoài tâm thủ pháp, duy thức chẳng thành, nếu gá tự tướng phần thức thứ tám làm chất duyên là, thức thứ sáu chỗ biến tướng phần tức không danh cú văn. Đã không danh cú văn, tức ý chẳng thể sinh giải hiểu. Vì thức thứ tám chỉ biến được bản chất Phật thẳng ngay âm thanh. Trên bản chất thẳng ngay âm thanh lại không danh cú văn, vì thức thứ tám chẳng duyên vậy, ở đây đáp rằng: Lý thật thức thứ sáu duyên tự tướng phần thức thứ tám làm cảnh, nghĩa là bản chất âm thanh Phật và tự thức thứ tám biến ảnh tượng âm thanh, hợp làm một âm thanh, bản chất âm thanh thế tôn đã có danh cú văn v.v... thức thứ sáu ở tự nhĩ căn duyên tướng phần âm thanh thức thứ tám, danh cú văn cả ba chẳng không, là trên bản chất âm thanh Phật có danh cú văn, ví như người thế gian cùng nhìn một giấy viết chữ, nếu người chẳng biết chữ chỉ thấy giấy đó sắc màu đen trắng, tức chẳng thể biết nghĩa lý sai biệt đó, nếu người biết chữ thấy giấy mực đen trắng và năng biết nghĩa lý sai biệt ở đó, nay nhĩ thức và thức thứ tám như người chẳng biết chữ thức thứ sáu như người biết chữ thức thứ sáu đã duyên âm thanh thật, cũng năng duyên được danh cú văn, lại âm thanh là chỗ nương tựa, danh cú văn nương tựa.

Danh cú văn nương tựa trên âm thanh thật mà có, đã có âm thanh thật, danh cú văn đó tự liên đới trên âm thanh thật mà có vậy. Ý thức là năng phân biệt, tự nhiên duyên được, lại nghe tức là tỷ lượng, lúc lắng nghe danh cú văn v.v... hướng đến trên tâm sở so lường sinh giải hiểu, chỉ thức thứ sáu có đủ tỷ lượng, nếu duyên sinh nghĩa bèn tại trong ý.

Hỏi: Phàm, nghe pháp đã gá bi nguyện của chư Phật làm bản chất, làm tăng thượng duyên, chúng sinh chỉ trên tự tâm thức tâm, chỗ biết được ảnh tượng tướng phần văn nghĩa. Đây tức thật không pháp ngoài tâm, làm người chấp thấy chưa tin ở sự trong pháp thế gian, làm sao dẫn chứng sau ấn thành tin môn nhất thừa?

Đáp: Pháp thế gian tức là pháp Phật, pháp Phật tức là pháp thế gian, cố sao lại nêu sự lập so sánh? nhưng vì người chưa quyết định tin thì sao không phương tiện. Nếu luận tỷ biết chạm mắt đều phải, tạm nêu một vài đại khái thuộc tông đây, như ở Tây Vực, các Bà-la-môn mong cầu thông minh thì thường cúng dường trời thần v.v... sau ở trong mộng thấy có người trời trao cho pháp chú luận v.v... nhưng trong mộng thật không người trời vì nói pháp thông minh luận chú v.v... gá người trời làm tăng thượng duyên, tự trên thức tâm biến làm luận chú giải, nay chúng sinh thấy nghe cũng vậy, nhưng ở trong tình huống tỷ lượng, ví dụ về mộng mộng dụ là rất gần, vì tự trong mộng không có cảnh ngoài mà đều là tâm mộng biến khởi, có thể làm hiện chứng, lại ở trong Trung Hoa, Chu Sướng đang cày ruộng, người mẹ muốn được con trở về, nên người mẹ bèn cắn ngón tay, Chu Sướng đang giữa ruộng đau thốn dưới tim, tự nghĩ “Đây là mẹ gọi ta” về đến nhà quả thật như lời đó. Người mẹ tuy có tâm gọi con mà chẳng phát tiếng, Như Lai chỉ có tâm nói pháp mà chẳng nói pháp tự nơi trên tâm chúng sinh biến khởi vậy, nếu chánh giải là, tức bi nguyện của chư Phật làm ứng, căn cơ chín muồi ngay nghe làm cảm, cảm ứng đạo giao chẳng phải một chẳng phải khác, chỉ tâm mới hiển hiện, chẳng rơi lạc đoạn thường, chẳng thể mỗi thủ một bên, trái với trung đạo.

Hỏi: Căn trần đối nhau hiệp chúng rõ ràng, làm sao viên thông được vào lý không?

Đáp: Nhãn đối sắc, trần không mà có thấy, nghiệp quả dị thực chẳng thể nghĩ bàn, chỉ chỗ trí biết, chẳng phải chỗ tình tính lường. Thật tánh các pháp thân chứng mới rõ, có thấy có nghe là tâm lượng thế tục, nếu nói về chân đế thì căn cảnh đều không, vả lại, như trong môn thế tục, thấy không tự tánh, như nhãn là căn thắng nghĩa, như lửa đã năng phát thức, lại năng chiếu cảnh. Thức như người năng liễu biệt, cảnh như

vật, nên biết không căn chẳng năng phát thức, không thức chẳng năng rõ cảnh, không cảnh chẳng năng khởi thấy, ba pháp hòa hợp mới thành tánh thấy, thì tánh thấy không theo hòa hợp chẳng phải có, như trong kinh Tư Ích có kệ tụng nói:

*“Đều thấy mười phương cõi,  
Tất cả loại chúng sinh,  
Mà ở trong nhãn sắc,  
Trọn chẳng sinh hai tướng,  
Như Phật giảng nói pháp,  
Tất cả năng nghe thọ,  
Mà ở trong tai tiếng,  
Cũng chẳng sinh hai tướng,  
Năng ở trong nhất tâm,  
Biết các tâm chúng sinh,  
Tự tâm và tâm kia,  
Hai đây chẳng phân biệt”.*

Trong phẩm Pháp Căn Cảnh có luận Quảng Bách Môn nói: “Nhãn v.v... các thứ căn trần, nếu chấp thật có, lý hẳn chẳng như vậy. Tại sao? Vì trái nghịch tỷ lượng vậy” nghĩa là nhãn chẳng phải thấy, như nhĩ v.v... các căn, nhĩ cũng chẳng phải nghe, như tỷ v.v... các căn tỷ chẳng phải ngửi, như thiệt v.v... các căn thiệt chẳng thể nếm, như thân v.v... các căn thân chẳng thể biết, các căn như trên tất cả đều do tánh tạo sắc, hoặc là đại chủng, hoặc là nghiệp quả, lại nhãn v.v... các căn đều có chất ngại vậy, có thể phân chiết đều khiến trở về không, hoặc không cùng quá, cho nên chẳng nên chấp là thật có, chỉ là tự tâm tùy lực nhân duyên hư giả biến hiện, như huyền sự v.v... tục có mà chân không, lại trong phẩm Pháp Tình nói: “Nhãn là đến sắc thấy ư? Hay chẳng đến sắc thấy ư? Nếu nhãn đến sắc mới thấy là ở xa sắc nên chẳng thấy, tại sao? Pháp đi nói vậy, mà nay, gồm bình xa vắng nguyệt mà một lúc đồng thấy, cho nên biết nhãn chẳng đi thì không hòa hợp, lại nữa, nhãn lực chẳng đến sắc mà thấy, tại sao thấy gần mà chẳng thấy xa? Xa gần ứng một lúc thấy, nên biết tánh thấy không theo, các căn cũng vậy” như trong Hoàn Nguyên Tập ở môn Quán tự tha nói: “Hai thân làm tự tha, thân kia là tha, thân đây là tự, một thân lại làm tự tha, sắc thân làm tha tâm tức làm tự, tâm lại làm tự tha, tâm tức là tha, trí tức là tự, trí lại có tự tha, trí có chỗ được là tha, trí không chỗ được là tự, trí không chỗ được lại có tự tha. Trí tịnh là tha, tịnh đó cũng tịnh là tự, quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy, đành lẽ Như không không chỗ nương, tâm định rồi độ



các thiền định, không trú thì không bản giác, đây gọi là Phật, giả danh gọi là Phật, cũng không Phật có thể thành, không thành có thể thành, không ra có thể ra, là gọi Phật ra đời, không chỗ thấy rõ ràng thấy, rõ ràng thấy không chỗ thấy, chỉ có danh tự, danh tự tánh không không chỗ có, gương ảnh như hư không, hư không như gương ảnh, sắc tâm như hư không, hư không hư sắc tâm, sắc tâm như gương ảnh, gương ảnh thân không hai, cũng lại chẳng phải một, nếu năng giải như vậy, chư Phật từ trong ra, chư Phật chỉ có danh, như không ứng tiếng vang, không tâm đạo rốt ráo, pháp pháp tự nhiên bình, nói bình cũng không bình, không bình làm bình nói, trong đây đoạn nói năng nói tâm hành cũng diệt, nhãn không giữ sắc không, sắc không giữ nhãn không, hai không tự giữ nhau, thì không giặc nhãn thức, tại không giữ tiếng không, tiếng không giữ tai không, hai không tự giữ nhau, thì không giặc nhĩ thức, tỷ không giữ hương không, hương không giữ tỷ không, hai không tự giữ nhau, thì không giặc tỷ thức. Thiệt không giữ vị không, vị không giữ thiệt không, hai không tự giữ nhau, thì không giặc thiệt thức. Thân không giữ xúc không, xúc không giữ thân không, hai không tự giữ nhau, thì không giặc thân thức. Tâm không giữ pháp không, pháp không giữ tâm không, trở lại là một không năng giữ hai không, cũng năng giữ một không, cho nên gọi là không không, giả danh gọi là kiến đế, nếu biết sáu căn thanh tịnh tức không giặc sáu trần, nếu không giặc sáu trần, tâm vương tự thanh tịnh, phương tiện giữ hóa phàm, đề danh cây Phật tánh”. Giải thích: Do vì nếu nhãn không mà sắc chẳng không, sắc không mà nhãn chẳng không, thì chẳng thể giữ nhau, vì căn cảnh khác nhau vậy, hẳn là xâm hại, nếu đồng một tánh, tức không nghi ngờ, như ở thế gian người làm gìn giữ, nếu là người trung lương, tức có thể người trung lương làm gìn giữ, nếu là người ác hạnh, thì chẳng thể gìn giữ, vì tình tánh khác nhau vậy, sáu thứ căn trần hòa hợp đồng đã vậy, tất cả muôn pháp thuận yếu chỉ cũng vậy, nên trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Phật bảo A-nan! Căn trần đồng nguồn, buộc mở không hai, thức tánh hư vọng, như hoa đốm giữa hư không. A-nan! Do trần phát biết, nhân căn có tướng, tướng thấy không tánh, đồng như lau xen, cho nên nay ông với sự thấy biết lập biết, tức gốc vô minh, thấy biết không thấy, đó tức Niết-bàn, vô lậu chân tịnh, cơ sao trong đó lại dung chứa vật khác”.

Hỏi: Sắc trần chất ngại, có thể chia chẻ trở về không, âm thanh tánh hư thông, nên là thật có ư?

Đáp: Thanh trần sinh diệt, động tĩnh đều không, âm thanh chẳng đến nơi nhĩ căn, căn chẳng đến nơi âm thanh, đã không một vật trung

gian qua lại, thì tâm cảnh đều hư, âm thanh chẳng thể được, như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Lại nữa, A-nan! Cớ sao mười hai xứ vốn là Như Lai Tạng, tánh diệu chân như? A-nan! Ông thử nhìn xem rừng cây kỳ-đà đây và các ao suối, ý ông nghĩ thế nào? Cả thấy đây là sắc sinh nhãn thấy, nhãn sinh sắc tướng ư? A-nan! Nếu là nhãn căn sinh sắc tướng, thì thấy không chẳng phải sắc, tánh sắc nên tiêu, tiêu thì hiển phát tất cả đều không, sắc tướng đã không, ai rõ được không chất? Không cũng như vậy, nếu là sắc trần sinh nhãn thấy thì quán không chẳng phải sắc, thấy tức tiêu mất, mất thì đều không, ai rõ không sắc? Cho nên phải biết: Thấy và sắc không đều không xứ sở, tức sắc và thấy hai xứ hư vọng, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên” lại trong văn Tìm thanh xứ nói: “A-nan! Ông lại nghe trong vườn Kỳ-đà đây, ăn xong đánh trống, chúng nhóm gióng chuông, âm thanh chuông trống, trước sau tương tục, ý ông nghĩ thế nào? Cả thấy đây là âm thanh đến bên tai, hay tai đến nơi âm thanh? A-nan! Nếu âm thanh đây đến bên tai, thì như ta đến khát thực nơi thành Thất-la-phiệt, tức tại rừng Kỳ-đà không có ta. Âm thanh hẳn đến nơi tai A-nan, thì Mục kiên liên, Ca-diếp đáng chẳng cùng nghe, huống gì trong đây có một ngàn hai trăm năm mươi vị Sa-môn đều nghe tiếng chuông đồng đến nơi ă? Nếu là tai ông đến bên cạnh âm thanh kia, thì như ta về trú trong rừng Kỳ-đà, tại thành Thất-la-phiệt thì không có ta, ông nghe tiếng trống, tai đó đã đến nơi đánh trống, tiếng chuông cùng vang ra, đáng chẳng đều nghe, huống gì trong đây có đủ thứ âm thanh của voi ngựa trâu dê. Nếu không qua lại, cũng lại không nghe cho nên phải biết nghe và âm thanh đều không xứ sở, tức nghe và âm thanh hai xứ hư vọng, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên”. Lại trong văn Tìm hương xứ nói: “Lại nữa A-nan! Ông lại ngửi mùi chiên đàn trong lò đây, hương đây nếu là đốt một thù (bằng nửa lạng) thì khắp thành Thất-la-phiệt trong khoảng bốn mươi dặm đồng thời nghe mùi, ý ông nghĩ thế nào? Mùi hương đây sinh nơi gỗ chiên-đàn hay sinh ở mũi ông, hay sinh giữa khoảng không? A-nan! Nếu mùi hương đây sinh nơi mũi ông, xứng chỗ mũi sinh thì phải từ mũi ra, mũi chẳng phải chiên-đàn, cớ sao trong mũi có mùi chiên-đàn? Xứng ông nghe mùi hương, phải ở lỗ mũi vào, trong mũi phát ra mùi hương, nói nghe chẳng phải nghĩa, nếu sinh ở khoảng không, thì không tánh thường hằng, mùi hương nên thường tại sao nhờ trong lò đốt cháy gỗ khô đây, nếu sinh ở gỗ, thì chất hương đây nhân đốt cháy thành khói, nếu mũi được nghe, hợp nhờ ở hơi khói, khói đó tỏa giữa hư không chưa kịp lan xa, trong vòng bốn mươi dặm cớ sao đã

nghe? Cho nên phải biết, hương mũi và nghe đều không xứ sở tức người cùng hương hai xứ hư vọng, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên” lại trong văn Tìm vị xứ nói: “A-nan! Ông thường hai thời trì bát trong chúng, trong đó như gặp tô lạc, đề hồ, gọi là thượng vị, ý ông nghĩ thế nào? Vị đó sinh từ không trung hay sinh từ trong lưỡi hay sinh từ trong thức ăn? A-nan! Nếu vị đó sinh từ lưỡi ông, thì trong miệng ông chỉ có một cái lưỡi, lưỡi đó khi ấy đã thành vị tô, như gặp đường phèn, đáng chẳng chọn đổi, nếu chẳng biến đổi, thì chẳng gọi là biết vị, nếu biến đổi thì lưỡi chẳng phải có nhiều thể làm sao nhiều vị mà biết của một lưỡi? Nếu sinh từ thức ăn, thức ăn chẳng phải có thức làm sao tự biết, lại thức ăn tự biết, tức đồng người khác ăn, nào dự nơi ông, gọi là biết của vị. Nếu sinh từ không trung, ông ăn hư không, sẽ là vị gì? Hẳn hư không đó nếu làm vị mặn thì đã mặn nơi lưỡi ông, cũng mặn cả mặt ông, thì người cõi này đồng như cá biển, đã thường thọ vị mặn, trọn chẳng biết nhạt, nếu chẳng biết nhạt cũng chẳng biết mặn, hẳn không chỗ biết, sao gọi là vị? Cho nên phải biết vị lưỡi và thường nếm đều không xứ sở, tức thường nếm và vị cả hai đều hư vọng, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên” lại trong văn Tìm xúc xứ nói: “A-nan! Ông thường mỗi sáng mai đưa tay xoa đầu, ý ông nghĩ thế nào? Chỗ biết của xoa ấy, ai là năng xúc? Năng là ở tay hay ở đầu, nếu năng ở tay thì đầu không biết, làm sao thành xúc? Nếu mỗi một đều có thì A-nan! Ông nên có hai thân, nếu đầu và tay là nơi một xúc sinh thì tay và đầu phải là một thể. Nếu một thể, thì xúc không thành, nếu là hai thể thì xúc tại đầu, tại năng tức không phải sở, tại sở tức không phải năng, chẳng nên hư vọng cùng ông thành xúc, cho nên phải biết giác xúc và thân đều không xứ sở, tức thân và xúc cả hai đều hư vọng, vốn chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tánh tự nhiên” nay tìm mười hai căn trần, xứ sở đã không thì sáu căn môn trước không xứ mà vào, mười tám giới sau không giới mà phân. Có thể nghiệm trong chúng sinh giới tức nay hiện hành tâm cảnh đều không, trong thế tục để, pháp giả khái niệm thấy đều không có, phạm biên ghi trong Tông kính đều là pháp môn hiện chứng, một vào toàn chân, lại không trước sau, như hoặc không tin, chỉ tỉnh lặng tư duy xem, nếu thấy một niệm không sinh, tự nhiên cùng kinh ngầm hợp, như trong kinh Bồ-tát niệm Phật tam-muội có kệ tụng nói:

*“Thân đây thường không biết,  
Như cây cỏ ngói sỏi,  
Bồ-đề không hình sắc,*

*Tịch diệt luôn chẳng sinh.  
 Thân chẳng xúc Bồ-đề,  
 Bồ-đề chẳng xúc thân,  
 Tâm chẳng xúc Bồ-đề,  
 Bồ-đề chẳng xúc tâm,  
 Mà năng có tương xúc,  
 Thật là chẳng nghĩ bàn”.*

**Giải thích:** Nên biết sắc chẳng đến nhãn, nhĩ chẳng đến âm thanh mà có thấy nghe, là chẳng thể nghĩ bàn, vì trong tự tánh lìa mà có hiển hiện, nên biết sáu căn không đối, đều là pháp môn không tranh cãi, các cảnh rộng, thấy đều ngầm hợp đạo chẳng hai, tức nay cảnh giới chúng sinh, chân chẳng thể nghĩ bàn vậy, đau cần xa cầu tác dụng của các thánh mà tự khinh bỉ mình là kém liệt ư? Tông kính đây là soi chiếu si ám của chúng sinh, đồng như ánh sáng của chư Phật khiến pháp giới hàm sinh đồng một thời viên chứng, như trong kinh Pháp Tập nói: “Tu-bồ-đề bạch Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Nhãn sắc hai pháp không tranh cạnh, vì chẳng hòa hợp, vì hai pháp đây chẳng cùng đến vậy. Phàm chẳng hợp chẳng đến là pháp đều không trái nghịch tranh cãi. Bạch Đức Thế Tôn! Pháp không có hai, cho nên chẳng tranh cãi”. Trong phẩm Pháp căn cảnh ở luận Quảng Bách Môn nói: “Lại nữa, nếu nhĩ căn và cảnh hợp biết là không nên xa gần một lúc đều nghe. Âm thanh từ chất mà đến, đã có xa gần không nên một niệm đồng đến nhĩ căn, nhĩ không ánh sáng chẳng nên hưởng đến cảnh. Lại âm thanh lìa chất đến vào tai nghe, cũng chẳng đáng lý, âm thanh chuông trống v.v... hiện chẳng lìa chất, xa có thể nghe vậy, nếu tai và âm thanh không nghe mà thủ như hương v.v... chẳng hiện rõ phương góc, nếu tai và âm thanh chẳng hợp mà thủ, nên không xa gần tất cả đều nghe, chẳng hợp thể, không cùng không biệt vậy, hoặc nên tất cả đều chẳng năng nghe, cho nên nhĩ căn và âm thanh hợp và chẳng hợp, thật thủ ở tự cảnh, cả hai đều chẳng thành”. Lại nói: “Tâm nếu hưởng đến trần thể thì chẳng khắp cùng, tâm cùng đến cảnh, ta nên không tâm, nhưng tâm vi tế trong thân luôn có các vị ngủ say mê muội v.v... hoặc thường hành hoặc có nghĩ v.v... mộng có thể được, nhọc mệt tăng thêm, dẫn giác tâm, giữ gìn thân, xúc thân giác vậy, lại nếu trong thân luôn không tâm, là như thầy chết v.v... hại nên không tội, cúng dường nên không phước, thì cũng như ngoại đạo không kiến đáng đồng có chấp, tâm thể chẳng khắp cùng, chẳng hành, chỉ dụng có hành, cũng đồng lỗi đây. Tâm dụng tâm thể chẳng lìa nhau vậy, lại nếu tâm thể hưởng đến trần trước, có xúc

trong thân, nên không giác thọ, nên động tư lự, chẳng tổn trong tâm, như vậy, các tông chấp thật căn cảnh đều chẳng đáng lý, nên tin chẳng phải chân, lại tất cả thế gian hữu tình vô tình các pháp nghĩa tướng, như nương dương diễm là có tướng nước sinh cuồng hoặc tự tâm cũng vì kẻ khác nói. Do đây, vọng tưởng kiến lập căn trần và các sự sai biệt khác trong thế gian, như hiển bày tướng đây nương nhiều pháp thành, là giả chẳng phải chân, nên nói tướng uẩn cho đến như các việc huyễn, thể thật tuy không mà năng phát sinh các thứ vọng thức, nhãn v.v... cũng vậy, thể tướng đều rỗng như người hiểu cuồng sinh vọng thức khác, tướng tùy đây phát, cảnh đâu là chân, căn cảnh đều rỗng đối giống như việc huyễn”. Trong kinh Đại Tập có kệ tụng nói:

*“Chí tâm niệm pháp tư duy pháp,  
Cho nên chẳng thấy sắc mà thanh,  
Nếu được vào nơi pháp giới sâu,  
Khi ấy thì không sắc thanh thủy”.*

Trong luận Bát-nhã đấng có kệ tụng nói:

*“Nhãn chẳng thấy sắc trần,  
Ý chẳng biết các pháp,  
Đây là thật tối thượng,  
Người đời chẳng đạt”.*

Do vì, căn cảnh duy tâm, danh tướng đều tịch, nên biết thể đế chân đế, đồng hưởng đến Phật thừa, hữu tình vô tình đồng quy về trí địa, vì chân không trung tuyệt danh tuyệt tướng, đường tâm trí dứt, là chẳng thể nghĩ bàn, vì tục có trung như huyễn như hoa, không trung hiển hiện là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể dùng tình thức biết, chẳng thể dùng có không mà lường, do đó trong luận Quảng Bách Môn nói rõ về pháp thế gian có năm thứ khó lường tính, kệ tụng nói:

*“Thế gian các chỗ có,  
Thấy đều khó tính lường,  
Căn cảnh lý đồng vậy,  
Người trí đâu kinh lạ”.*

**Luận nói:** như một tư nghiệp năng cảm vô biên quả tướng sai biệt trong ngoài ở tương lai, chỗ mà thầy thợ rất mực khéo giỏi chẳng thể làm, đó gọi là khó lường tính thứ nhất trong thế gian. Lại như hạt giống bên ngoài nảy nở mầm cành vô lượng nhánh lá hoa quả gốc rễ, hình sắc xen tạp đẹp đẽ rõ ràng lệ uyển nhiên, đó gọi là khó lường đạt thứ hai trong thế gian, lại như cây hoa gọi lá vô ưu, dâm nữ xúc chạm đó, các hoa đua nhau nở, cành nhánh rủ phẩy như có tâm lo buồn, đó gọi

là khó lường đạt thứ ba trong thế gian. Lại như cây hoa tên là nhạc âm, nghe tiếng âm nhạc tức toàn thân lay động, cành nhánh mũm mĩm như người nhảy múa, đó gọi là khó lường tính thứ tư trong thế gian, lại như cây hoa tên là háo điều ngâm, nghe tiếng chim hót tức bèn lay động, cành nhánh mũm mĩm, như người vui mừng vỗ tay, đó gọi là khó lường tính thứ năm trong thế gian. Khó lường tính như vậy, việc ở đời nhiều vô biên, căn cảnh có không so sánh đó rất dễ, thế tục nên có, thảng nghĩa nên không, các người có trí chẳng nên kinh lạ” như trong luận Trung Quán có kệ tụng nói:

*“Do pháp biết có nhân,  
Do nhân biết có pháp,  
Lìa pháp sao có nhân,  
Lìa nhân sao có pháp”.*

Pháp là nhân nhĩ khổ lạc v.v... Nhân là bản trí, ông cho rằng vì có pháp nên biết có nhân (người) vì có nhân nên biết có pháp, nay lìa nhân nhĩ v.v... pháp nào có nhân? Lìa nhân nào có pháp nhân nhĩ v.v... lại nữa, tất cả nhân v.v... các căn thật không có bản trí, nhân nhĩ v.v... các căn khác tướng mà phân biệt, nhân nhĩ v.v... các căn, khổ lạc v.v... các pháp thật không có bản trí, nhân nhĩ duyên sắc sinh nhân thức, vì hòa hợp nhân duyên biết có nhân v.v... các căn chẳng vì bản trí vậy, vì vậy nên trong kệ tụng nói:

*“Tất cả nhân nhĩ v.v... các căn,  
Thật không có bản trí,  
Nhân nhĩ thấy các căn  
Mỗi tự năng phân biệt”.*

Hỏi: Nếu nhân v.v... các căn không có bản trí là nhân v.v... mỗi căn làm sao năng biết trần? Nếu tất cả nhân nhĩ v.v... các căn khổ lạc v.v... các pháp không có bản trí là, nay mỗi một căn làm sao năng biết trần? Nhân nhĩ v.v... các căn không tư duy thì không nên có biết, mà thật biết trần, phải biết là lìa nhân nhĩ v.v... các căn lại có cái năng biết trần ư? Đáp: Nếu vậy là trong mỗi một căn có cái biết, làm một cái biết ở trong các căn. Cả hai đều có lỗi quá, tại sao? Nếu các căn mỗi mỗi đều có cái biết tức thành nhiều người, nếu một cái biết tại trong các căn là, hoặc lúc nhân chánh duyên sắc, biết rồi thuộc nhân, lúc khởi thanh trần, nhĩ nên chẳng nghe, như trong kinh Vô Ngôn Thuật có kệ tụng nói:

*“Trong ngoài địa giới không hai nghĩa,  
Trí tuệ Như Lai năng rõ biết,*

*Kia không hai tướng và chẳng hai,  
Một tướng không tướng biết như vậy”.*

Trong kinh Kim Quang Nữ nói: “Văn-thù-Sư-lợi bảo đồng nữ kia nên quán pháp giới, đồng nữ đáp: Văn-thù-Sư-lợi! Thí như lúc kiếp thiêu, ba cõi cũng như vậy”. Trong kinh Bát-nhã ba-la-mật nói: “Tất cả pháp kia không biết, không thấy, sư nói pháp kia cũng chẳng thể được, chẳng thể dùng tâm phân biệt, chẳng thể dùng ý năng biết”. Trong kinh Phật Mẫu nói: “A di! Nhãn chẳng thấy sắc, cho đến ý chẳng biết pháp, Bồ-đề lia như vậy nên nhãn sắc lia, cho đến Bồ-đề lia nên ý pháp lia v.v...”. Trong kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng nói:

*“Như dòng nước khô kiệt,  
Thì gợn sóng chẳng nổi,  
Như vậy ý thức diệt,  
Các thứ thức chẳng sinh”.*

Lại có kệ tụng khác nói:

*“Trong đây không tâm thức,  
Như hư không dương diệm,  
Như vậy biết các pháp,  
Mà chẳng biết một pháp”.*

Rốt ráo Nhất thừa, trong luận Bảo Tánh có kệ tụng nói:

*“Như tất cả thế gian,  
Nương hư không sinh diệt,  
Nương nơi vô lậu giới,  
Có các căn sinh diệt,  
Lửa chẳng đốt hư không,  
Nếu đốt mà không chỗ,  
Như vậy già bệnh chết,  
Chẳng thể đốt Phật tánh,  
Địa nương ở thủy trú,  
Thủy lại nương ở phong,  
Phong nương ở hư không,  
Không chẳng nương nơi địa...  
Như vậy ấm giới căn  
Trú trong phiền não nghiệp,  
Các thứ phiền não nghiệp...  
Trú bất thiện tư duy,  
Bất thiện tư duy hành,  
Trú trong tâm thanh tịnh,*

Tự tánh tâm thanh tịnh,  
 Chẳng trú các pháp kia.  
 Ấm giới nhập như địa,  
 Phiền não nghiệp như thủy,  
 Chẳng chánh niệm như phong,  
 Thanh tịnh giới như không,  
 Nương tánh khởi tà niệm,  
 Niệm khởi phiền não nghiệp,  
 Năng khởi ấm giới nhập,  
 Nương dừng ở năm ấm,  
 Giới nhập các pháp hàng...  
 Có các căn sinh diệt,  
 Như thế giới thành hoại, Tịnh  
 tâm như hư không, Không  
 nhân lại không duyên, Và  
 không nghĩa hòa hợp, Cũng  
 không sinh trú diệt, Như hư  
 không tịnh tâm,  
 Thường sáng không chuyển biến,  
 Vì hư vọng phân biệt,  
 Khách trần phiền não nhiễm”.

Lại năm hiện thức chẳng động, chỉ ý thức phân biệt, như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Phật bảo: A-nan! Thức tánh không nguồn, nhân nơi sáu thứ căn trần vọng ra nay ông nhìn khắp thánh chúng hội đây, dùng mắt lần lượt nhìn khắp, chỉ như trong gương không có chia riêng. Thức ông ở trong lần lượt nên chỉ. Đây là văn- thù, đây là Phú-lâu-na, đây là Mục-kiền-liên, đây là Tu-bồ-đề, đây là Xá-lợi-phất v.v... như năm hiện lượng tròn khắp mà nhìn, như soi ảnh tượng, trong gương mà không phân biệt” nếu là ý căn thứ sáu tức lần lượt phân biệt chẳng như năm thức hiện lượng chóng thấy, lại trong kinh nói: “Thức động thấy lắng” là thấy lắng tức năm thức hiện lượng phân biệt làm động, lại trong kinh nói: vốn không chỗ theo là thức tâm đây xưa nay trong lắng, chẳng từ tu mà được, xưa nay lắng tịch, năm thức hiện lượng cũng lại như thế.

Hỏi: Ý thức duyên cảnh nhiều ít, ba cảnh ba lượng làm sao phân biệt?

Đáp: Các bậc cổ đức nói: Ý thức thứ sáu tức là tỷ lượng, ý thức năng duyên pháp ba đời, pháp ba tánh, pháp ba giới, pháp một trăm



v.v... pháp nhĩ như vậy đều là ý thức thứ sáu duyên vậy, có hai thứ: Một là minh liễu; hai là độc đầu, vả lại minh liễu là chỉ ở trong năm căn môn thủ năm trần cảnh, là niệm đầu tiên cùng năm lúc đồng duyên tuân theo trong tâm, chỉ là hiện lượng duyên năm cảnh trần thật đó, nếu là niệm sau đã qua, chẳng ngăn thông với tỷ lượng phi lượng, làm giải hạn duyên giả sắc dài v.v... đó tức là tỷ lượng. Hoặc ở trên năm trần lúc khởi chấp, bèn là phi lượng, tức minh liễu ý thức trước sau chấp thuận thông ba lượng. Trong ba cảnh, nếu lúc duyên năm trần thật pháp, là tánh cảnh, nếu niệm sau, lúc tâm giải hạn duyên giả sắc dài v.v... tức là chân độc ảnh tợ đơi chất; thứ hai độc đầu ý thức, có ba: Một là độc đầu trong mộng cũng duyên pháp mười tám giới, chỉ là độc cảnh chẳng phải chân, cảnh trong mộng đây chỉ là pháp xứ thâu, cũng không bản chất; hai là độc đầu giác ngộ, duyên tất cả pháp hữu lậu vô lậu hữu vi vô vi, có thể không thể, hoa đốm hư không, sừng thỏ, tất cả pháp ba đời thấy đều duyên được.

Hỏi: Ý thức giác ngộ đây một niệm lúc duyên mười tám giới có bao nhiêu tướng phần, bao nhiêu bản chất, bao nhiêu kiến phần?

Đáp: Bản chất và tướng phần mỗi mỗi có mười tám thứ, kiến phần chỉ có một

Hỏi: những gì là có mười tám tướng phần?

Đáp: Mười tám tướng phần từ mười tám bản chất khởi, tức có mười tám tướng phần. Gương tức là một, ở trên gương hiện có ảnh tượng mười tám người, kiến phần cũng vậy, một kiến phần năng duyên được mười tám tướng phần, nếu chất ảnh có mười tám, vì là cảnh sở duyên thì không lỗi. Nếu một niệm có mười tám kiến phần, bèn có lỗi nhiều tâm; ba là ,độc đầu không định, cũng duyên mười tám giới, một trăm pháp cảnh quá khứ và vị lai và chân như v.v... hoặc giả hoặc thật đều năng duyên cả. Ba lượng phân biệt là, nếu là minh liễu ý thức niệm trước niệm sau thông cả ba lượng, độc đầu trong mộng chỉ duyên phi lượng vì chẳng xứng cảnh, giác ngộ thông cả ba lượng, nếu lúc duyên pháp có thể, duyên năm cảnh giới v.v... thông hiện lượng vậy, nếu duyên năm căn giới bầy tâm giới v.v... là tỷ lượng, nếu duyên hoa đốm hư không cảnh quá khứ và vị lai, thông với tỷ lượng và phi lượng, nếu trong định chỉ là hiện lượng, tuy duyên giả pháp, vì chẳng vọng chấp, không kế độ nên chỉ hiện lượng, lại độc đầu ý thức, tức độc danh tán ý duyên môn ảnh tượng. Ảnh tượng là các hữu cực vi, là hai sắc cực xa cực lược đều là sắc giả ảnh vậy, chỉ ở quán tâm bề gãy sắc thô, đến gần mé sắc, giả lập cực vi chỉ quán tâm ảnh tượng đều không thật thể

## TÔNG CẢNH LỤC

### QUYỂN 55

Hỏi: Phàm, luận về sắc của pháp xứ đều có bao nhiêu thứ?

Đáp: Có năm thứ: Một là, sắc cực lược; hai là, sắc cực xa; ba là, sắc thọ sở dẫn; bốn là, sắc biến kế; năm là, sắc định quả. Thứ nhất, sắc cực lược là, lấy cực vi làm thể, chỉ là chia chẻ năm căn năm trần bốn đại định quả sắc kia đến vị cực vi, tức cực vi đây bèn là thể sắc cực lược. Thứ hai, sắc cực xa là không gian sáu loại sắc thô như ánh sáng, ảnh tượng, tối, sáng v.v... khiến chia chẻ sáu loại sắc thô đó đến vị cực vi, lấy sắc tế đây làm thể sắc cực xa, lại như chỗ thấy trên dưới không giới, xanh vàng đỏ trắng ánh sáng ảnh tượng tối sáng, tức đều gọi là không một hiển sắc, và chỗ hiện trong lỗ hồng cửa sổ, tức đều gọi là sắc xa. Thứ ba, sắc thọ sở dẫn là, thọ nghĩa là lãnh nạp, sắc sở dẫn là, tức trên tư chủng hiện có công năng ngăn phát, gọi là sắc sở dẫn, ý nói là do ở nơi thầy dạy lãnh thọ làm năng dẫn phát khởi, công năng phòng phát trên tư chủng hiện gọi là sắc sở dẫn, tức công năng phòng phát đây chẳng thể biểu thị khác vậy, cũng gọi là vô biểu sắc, tức lấy vô biểu sắc là thể. Thứ tư, là sắc biến kế, tức là vọng tâm biến kế. Thứ năm, là sắc định quả, là hiện cảnh trong định, pháp xứ năm loại sắc đều phân làm ba môn: Một là, môn ảnh tượng; hai là, môn vô biểu; ba là, môn định quả. Thứ nhất, môn ảnh tượng là, ảnh nghĩa là lưu loại, tượng nghĩa là tương tự, nên gọi là ảnh tượng, các hữu cực và vi tức là hai sắc cực lược và cực xa, chỉ có quán tâm ảnh tượng đều không thật thể. Độc sinh tán ý là, tức chọn lựa trong định và minh liễu ý thức. Nay chỉ lấy tán vị độc đầu đen tối ý thức vậy. Tán ý thức đây tạo dựng được lúc duyên năm căn năm trần nước trắng gương ảnh, ngay tình biến khởi khắp chấp tướng phần ảnh tượng, đây là giả chẳng phải thật vậy, cùng với cực lược v.v... đồng lập một môn ảnh tượng.

Hỏi: Vả lại như trăng trong nước, ảnh tượng trong gương, nhãn thức cũng duyên, cố sao nói giả, chỉ ý thức duyên?

Đáp: Trăng trong nước, ảnh trong gương, chỉ là pháp cảnh, chỉ lấy

gương nước làm duyên, ý thức đó bèn vọng chấp có trắng có ảnh tượng, đều chẳng phải cảnh của nhãn thức, cũng là kế độ sắc thân, lại biến là vọng tâm, cực lược v.v... là quán tâm, đồng là giả ảnh tượng vậy, do đó tổng lập. Thứ hai, môn vô biểu: Một, luật nghi có biểu sắc, tức lúc trước thầy thọ giới, do biểu sắc đây mới huân được chủng tử thiện tư, có công năng phòng phát, lập vô biểu sắc đó; hai, chẳng luật nghi có biểu sắc, tức ngay lúc xuống đao sát sinh tạo nghiệp, do đây có biểu sắc, mới huân được chủng tử bất thiện tư, có công năng phòng phát, lập vô biểu sắc đó, nếu trong xứ có biểu sắc là, tức ngay lúc lễ Phật hành đạo là xua đuổi đánh mắng, do đây có vô biểu sắc, mới huân được chủng tử thiện tư ác tư, cũng có công năng phòng phát, lập vô biểu sắc đó.

Hỏi: Nếu trắng trong nước, ảnh tượng trong gương là ý thức thứ sáu làm tâm giải duyên, chỉ là giả đó, dài ngắn vuông tròn sắc thân là, tức minh liễu ý thức duyên ở sắc trần vậy. Thế nào là độc đầu ý thức duyên biến kế sắc thân ư?

Đáp: Nếu là người trí, rõ giả hình kiến tướng đây tức ở sắc trần xứ thân, nếu là kẻ mê chẳng rõ vọng chấp làm thật, biến khởi ảnh tượng, giả tướng phần đây, chỉ biến kế sắc thân, nơi pháp xứ gồm.

Hỏi: Chỗ gọi là ảnh tượng là hai sở duyên ấy ư?

Đáp: Một, thân là ảnh tượng; hai, sở là chất vậy, trước biện giải về ảnh tượng, thân ở duyên duyên là, nghĩa là các tướng phần cùng kiến phần năng duyên, thể chẳng lìa nhau, tức chỗ kiến phần dựa gá cảnh là chỗ trừ lượng xứ vậy, tức chỗ gá gọi là duyên, chỗ lự gọi là sở duyên duyên; hai nghĩa đây gọi là sở duyên duyên vậy, tức ảnh tượng đây có bốn tên: Một là, ảnh tượng; hai là, tướng phần; ba là, chỗ nghĩ ngơi gá bên trong; bốn là, sở duyên duyên gần (thân). Tiếp đến nói về bản chất, nếu cùng năng duyên, thể lìa nhau tức sở duyên duyên xa (sơ) vì cách tướng phần vậy, tức trên bản chất kiến phần năng duyên lìa nhau, nên gọi là lìa.

Hỏi: Đã lìa nhau, sao gọi là sở duyên duyên?

Đáp: Vì chất năng khởi tướng phần sinh vậy, vì khởi nói về tướng phần khiến kiến phần có chỗ nghĩ ngơi vậy, tức bản chất khởi sở duyên vậy, cũng gọi là sở duyên duyên vậy, vì sở duyên duyên gần làm tăng thượng duyên nên cũng được gọi là sở duyên duyên, tức khởi sở duyên, cũng có ba tên: Một, gọi là bản chất; hai, gọi là chỗ nghĩ ngơi gá bên ngoài; ba, gọi là sở duyên duyên xa, tức là bản chất năng khởi tướng phần, tướng phần khởi kiến phần, kiến phần khởi tự chứng phần, tự chứng phần năng khởi chứng tự chứng phần, tức bản chất năng khởi

căn cứ chỗ lự gá tướng phần, nên nói là bản chất, cũng gọi là sở duyên duyên. Và lại như pháp thứ năng rõ tất cả pháp là, tức ý thức thứ sáu đều có năm loại, đều duyên khắp cảnh: Một là độc đầu trong định, ý thức duyên ở cảnh định, trong của cảnh định có lý có sự, trong sự có các loại sắc cực lược, cực xa và nơi định tự tại sinh pháp xứ; hai là độc đầu tán vị, duyên các sắc thọ sở dẫn và chỗ biến kế khởi các pháp xứ, như duyên hoa đốm hư không, sừng thỏ ảnh tượng trong gương trắng trong nước, chỗ tạo họa vẽ sinh, đều là pháp xứ gồm; ba là, độc đầu trong mộng, duyên cảnh trong mộng, biến kế sở chấp sắc pháp xứ; bốn là, ý thức minh liễu, nương tựa năm căn môn và năm thức trước đồng duyên năm trần, rõ ràng thủ cảnh gọi là ý thức minh liễu; năm là, ý thức loạn, là tán ý thức, ở trong năm căn cuồng loạn mà khởi, nhưng chẳng cùng năm thức đồng duyên, như hoạn bệnh nhiệt, thấy xanh cho là vàng, chẳng phải là nhãn thức, đây là duyên vậy, duyên sắc biến kế sở chấp, lại nếu ý thức minh liễu ở năm căn môn, cùng năm đồng duyên năm trần cảnh vậy, nếu lấy năm thức làm đều có nương tựa (câu hữu y) trừ độc đầu khởi, độc đầu khởi là, gồm có bốn thứ: Một là, độc đầu trong định, duyên ở cảnh định, chẳng cùng năm thức đồng duyên; hai là, độc đầu trong mộng, duyên cảnh pháp trần, các tướng trong mộng cũng do biến kế khởi; ba là, độc đầu tán vị, cấu tạo họa vẽ cảnh tướng, duyên sắc do biến kế khởi; bốn là loạn ý thức, cũng gọi là độc đầu có thể biết.

Hỏi: Sáu thức cùng bao nhiêu tâm sở tương ứng?

Đáp: Trong luận có kệ tụng nói:

*“Đây tâm sở biến hành,  
Biệt cảnh thiện phiền não,  
Tùy phiền não bất định,  
Đều ba thọ tương ứng”.*

Sáu chuyển thức đây tất cả cùng sáu vị tâm ở tương ứng, nghĩa là biến hành v.v... luôn nương tâm khởi, cùng tâm tương ứng, hệ thuộc nơi tâm, nên gọi là tâm sở. Như vật thuộc ngã, lập danh ngã sở, tâm ở sở duyên, chỉ thủ tổng tướng, tâm sở ở kia cũng thủ biệt tướng, hỗ trợ thành việc tâm, được gọi là tâm sở, như họa sư tư là khuôn đắp hình, trong luận Du-già nói: “Thức năng liễu biệt tổng tướng của sự, tác ý rõ đây chỗ tướng chưa rõ, tức các tâm sở chỗ thủ biệt tướng, xúc năng rõ đây tướng đáng vừa ý v.v... thọ năng rõ đây tướng nhiếp thọ v.v... tướng năng rõ đây tướng nói năng nhân, tư năng rõ đây tướng chánh nhân v.v... nên tác ý v.v... gọi là tâm sở pháp” đây tiêu biểu tâm sở cũng duyên tổng tướng,

các nơi khác lại nói dục cũng năng rõ sự tướng khả lạc, thắng giải cũng rõ sự tướng quyết định, niệm cũng năng rõ sự tướng tập quán. Định tuệ cũng rõ tướng được mất v.v... do đây đối với cảnh khởi các tâm sở pháp thiện nhiễm v.v... đều ở sở duyên gồm thủ biệt tướng, sáu vị sai biệt là, nghĩa là: Biến hành có năm biệt cảnh cũng có năm, thiện có mười một, phiền não có sáu, tùy phiền não có hai mươi, bất định có bốn, sáu vị như vậy hợp có năm mươi mốt tất cả trong tâm quyết định có thể được, ngoài ra riêng biệt cảnh mà được sinh vậy, chỉ trong tâm thiện có thể được sinh vậy. Tánh là căn bản phiền não nhiếp vậy, chỉ là nhiễm tánh phiền não v.v... vậy, với thiện nhiễm v.v... đều bất định vậy, cho đến sáu chuyển thức đây để thoát bất định vậy, đều dung cùng ba thọ tương ưng. Đều lãnh thuận nghịch chẳng phải hai tướng vậy, lãnh tướng cảnh thuận vui thích thân tâm, gọi là lạc thọ, lãnh tướng cảnh nghịch bức bách thân tâm gọi là khổ thọ, lãnh tướng cảnh trung dung, ở nơi thân tâm chẳng phải bức bách, chẳng phải vui thích, gọi là bất khổ bất lạc thọ, giải thích: Ba câu tụng trên nêu bày tổng danh sáu vị tâm sở, một câu sau là chánh giải thích vị thọ, hành tướng tâm sở là, tâm thủ tổng tướng của cảnh, chỉ tổng thủ mà thôi, chẳng riêng phân biệt, như nói duyên sinh, chỉ tổng thủ, chẳng lại phân biệt. Tâm sở ở kia thủ gồm biệt tướng, nên thuyết (nói) cũng ngôn (nói). Như họa sư tư làm khuôn đắp hình, sư nghĩa là bác sĩ (người thông rành), tư nghĩa là đệ tử, như sư vẽ hình đã xong, học trò đắp thể, thể nơi khuôn đắp chẳng lia khuôn mẫu, như thủ tổng tướng, lúc vẽ sắc thể khiến bày dáng đẹp, như cũng thủ biệt tướng. Tâm tâm sở pháp thủ cảnh cũng vậy, thức năng liễu biệt tổng tướng của sự, chẳng nói thủ biệt tướng, vì là chủ vậy, nếu thủ biệt tướng tức tâm sở vậy, tác ý một pháp, xúc năng liễu biệt lắm nhiều biệt tướng, do công lực ưu thắng của tác ý khiến tâm tâm sở thủ cảnh nên có tổng thủ nhiều pháp biệt tướng đây. Trong luận Du-già nói lấy tác ý làm đầu, luận đây lấy xúc làm đầu, hòa hợp ưu thắng vậy, mỗi mỗi ý căn cứ một nghĩa, xúc năng thủ ba thứ, nghĩa là đáng vừa ý chẳng đáng vừa ý, tướng đều trái nhau, nhiếp thọ trong thọ, tổn hại đều trái nhau v.v... tướng năng rõ tướng nói năng nhân là năng thủ tướng cảnh phân chia nghĩa là đây là xanh chẳng phải xanh v.v... bèn khởi nói năng, nên tướng của tướng là nói năng nhân vậy. Tư rõ chánh nhân tà đều trái nhau v.v... tức là tướng chánh tà v.v... trên cảnh, nhân của nghiệp vậy. Tất cả trong quyết định có thể được là, tức biến hành, chẳng kể là tâm nào, chỉ khởi hẳn là có vậy, ngoài ra riêng biệt cảnh mà được sinh là năm biệt cảnh vậy, chỉ trong tâm thiện có thể được sinh là mười một pháp thiện

chỉ có tâm thiện có, thể là căn bản năng sinh các hoặc tức tham v.v... sáu thức. Ở tâm thiện nhiệm đều chẳng quyết định là, tức bốn pháp bất định, nghĩa là đối với thiện nhiệm vô ký ba tánh, tâm đều chẳng quyết định, sáu chuyển thức đây dễ thoát chẳng quyết định vậy là, nhưng sáu chuyển thức đây chẳng phải như thức thứ bảy thức thứ tám, thể đều dễ thoát, luôn bất định vậy, dễ thoát nghĩa là gián đoạn chuyển biến, bất định là vui thích xả hành qua lại khởi vậy, đều thông với ba thọ.

Hỏi: Thế nào là sáu thức hiện khởi phân vị?

Đáp: Trong luận Duy thức có kệ tụng nói:

*“Nương tựa thức căn bản,  
Năm thức tùy duyên hiện,  
Hoặc cùng (câu) hoặc chẳng cùng,  
Như gợn sóng nương nước,  
Ý thức thường hiện khởi,  
Trừ sinh trời vô tướng,  
Và hai định không tâm,  
Ngủ nghỉ và muộn tụyệt”.*

Thức căn bản tức là thức A-đà-na, nhiệm tịnh các thức sinh căn bản vậy, Nương tựa nghĩa là sáu chuyển thức trước lấy thức căn bản làm cộng nương tựa, năm thức nghĩa là năm chuyển thức trước, chủng loại tương tự, nên gồm nói đó, tùy duyên hiện là nói hiển bày chẳng phải thường khởi, duyên nghĩa là các duyên tác ý căn cảnh v.v... nghĩa là năm thức trong thân nương tựa bản thức, ngoài tùy các duyên tác ý năm căn cảnh v.v... hòa hợp mới được hiện tiền. Do đây mà hoặc cùng (câu) hoặc chẳng cùng khởi, duyên ngoài hợp là có nhanh chậm vậy, như nước gợn sóng tùy duyên ít nhiều. Năm chuyển thức hành tướng thô động, chỗ mượn các duyên thời gian nhiều chẳng đủ nên thời gian khởi ít, thời gian chẳng khởi nhiều, ý thức thứ sáu tuy cũng thô động, mà chỗ mượn duyên không thời gian nào chẳng đủ, do trái với duyên vậy nên có thời gian chẳng khởi. Thức thứ bảy và thức thứ tám hành tướng vi tế, chỗ mượn các duyên trong tất cả thời gian đều có, nên không duyên ngại khiến gồm chẳng hành. Lại, thân thức thứ năm chẳng thể nghĩ ngơi, chỉ chuyển ngoài của khởi mượn nhiều duyên nên thời gian gián đoạn nhiều, thời gian hiện hành ít, ý thức thứ sáu tự năng tư lự chuyển trong ngoài cửa, chẳng mượn nhiều duyên, do đó chẳng nói đây tùy duyên hiện. Giải thích: Nương tựa nghĩa là sáu chuyển thức trước lấy thức căn bản làm cộng nương tựa là, sáu chuyển thức đây lấy thức căn bản làm cộng nương tựa tức hiện hành bản thức vậy, thức đều cộng nên thân gần

nương tựa là tức thức chủng tử, mỗi mỗi chủng riêng vậy, năm chuyển thức trước chủng loại tương tự là có năm thứ: Một là, cùng nương tựa sắc căn; hai là, đồng duyên sắc cảnh; ba là, cùng chỉ duyên hiện tại; bốn là, cùng hiện lượng được; năm là, cùng có gián đoạn, chủng loại tương tự nên tổng hợp nói, như nước gợn sóng tùy duyên ít nhiều là, trong kinh Giải Thâm Mật nói: “Như nước dòng thác lớn, nếu có một gợn sóng sinh duyên, hiện tiền chỉ một gợn sóng chuyển, cho đến nhiều gợn sóng sinh duyên, hiện tiền có nhiều gợn sóng chuyển, các thức cũng vậy, như nước dòng thác, nương tựa A-đà-na vậy, cho đến các thức được chuyển v.v... đây lấy năm thức thí như gợn sóng, bản thức dụ như nước thác. Thân thức thứ năm chẳng thể tự lực, vì không tầm tư nên chẳng thể tự khởi, nhờ mượn cái khác dẫn vậy, ý thức thứ sáu tự năng tư lực chuyển trong ngoài cửa, chỉ trừ năm vị: Trời vô tướng; định Vô tướng; định diệt tận, ngũ ngũ, mê ngất xỉu v.v... còn thường năng hiện khởi vậy, lại xưa trước giải thích: Một là, như nhiều gợn sóng lấy một biển lớn làm nương tựa khởi nhiều gợn sóng; hai là, ảnh tượng trong gương lấy một gương lớn làm nương tựa khởi nhiều ảnh tượng, hai pháp biển và gương dụ như bản tâm thức, sóng và ảnh tượng dụ như chuyển thức, trong một niệm có bốn nghiệp: Một là, liễu biệt khí nghiệp; hai là, liễu biệt y nghiệp; ba là, liễu biệt ngã nghiệp; bốn là, liễu biệt cảnh nghiệp. Các liễu biệt đây trong từng sát-na đều chuyển có thể được, cho nên một thức ở một sát-na có các nghiệp dụng sai khác như vậy v.v... như trong kinh Mật Nghiêm có kệ tụng nói:

*“Như điện chớp mây nổi,  
 Đều giả dối chẳng thật,  
 Như thợ làm ra bình...  
 Do chỗ phân biệt thành.  
 Nhân chủ nên lắng nghe,  
 Các hữu tình thế gian,  
 Tập khí thường che tâm,  
 Sinh các thứ hý luận.  
 Mạt-na và ý thức,  
 Cùng các thức tương tục,  
 Năm pháp và ba tánh,  
 Vô ngã của hai thứ,  
 Luôn cộng và tương ưng,  
 Như gió đánh nước thác,  
 Chuyển khởi sóng các thức,*

Sóng sinh dòng chẳng ngừng,  
Lại-da cũng như vậy,  
Vô thủy các tập khí,  
Giống như dòng thác kia,  
Bị gió cảnh lay động,  
Tuy không bao nhiêu thể,  
Hoặc tùy duyên chóng khởi,  
Hoặc lúc mà chậm sinh,  
Thủ cảnh cũng như vậy,  
Chóng chậm mà sai biệt,  
Tâm chuyển nơi vườn nhà,  
Nhật nguyệt và muôn sao,  
Cây cành lá hoa quả,  
Núi rừng và quân chúng,  
Ở các xứ như vậy,  
Đều năng chậm chóng sinh.  
Nhiều khiến năng chóng hiện,  
Hoặc chậm khởi sai biệt,  
Hoặc lúc ở trong mộng,  
Thấy cảnh xưa đã xong,  
Và niệm tưởng mới sinh,  
Cho đến nơi già chết,  
Toán số cùng các vật,  
Tâm tư nơi câu nghĩa,  
Quán ở văn thể khác,  
Thọ các ăn uống ngon,  
Ở cảnh giới như vậy,  
Dần dần năng rõ biết,  
Hoặc có lúc chóng sinh,  
Mà năng thủ đó là,  
Tâm tánh lúc thanh tịnh,  
Chẳng thể được nghĩ bàn,  
Là diệu tạng Như Lai,  
Như vàng ở nơi quặng,  
Ý sinh từ tạng thức,  
Sáu khác cũng như vậy,  
Thức sáu thứ hoặc nhiều,  
Sai biệt ở ba cõi.



*Lại-da và năng huân,  
 Và tâm pháp khác thấy,  
 Nhiệm tịnh các chủng tử,  
 Tuy đồng trú không nhiễm,  
 Chủng tánh Phật cũng vậy,  
 Định chẳng định thường tịnh,  
 Như nước biển thường trú,  
 Sóng gợn mà chuyển dời,  
 Lại-da cũng như vậy,  
 Tùy các địa sai biệt, Tu  
 có hạ trung thượng, Xả  
 nhiễm mà sáng rõ”.*

Như trên rộng nói rõ về ý căn duyên cảnh, phân biệt rất mạnh so với các thức, do đó tất cả thiện ác ý là dẫn đầu, ý khởi nhanh chóng, ý ở trước lời nói, ý thiện tức pháp chánh, ý ác tức cảnh tà, như một hơi khí hít nó tức ấm, thổi nó tức lạnh, tợ một thứ nước, lạnh đó tức đông, ấm nóng tức dung hòa, hướng gì một tâm, bông đó tức phàm, hồng đó tức thánh, chuyển biến tuy khác, chân tánh không khuyết, như trong kinh Ương-quật-ma-la nói: “Ý pháp trước hành, ý thắng ý sinh, ý pháp tịnh tin, hoặc nói hoặc làm, khoái lạc tự tìm, như ảnh theo hình, ta vì hàng thanh văn thừa mà nói kệ tụng đây” ý là nghĩa Như Lai Tạng, nếu tự tâm thanh tịnh, ý là Như Lai Tạng, ưu thắng hơn tất cả pháp, tất cả pháp là chỗ làm của Như Lai Tạng, và tịnh tin ý pháp đoạn trừ tất cả phiền não vậy, thấy ngã giới vậy, nếu tự tịnh tin có Như Lai Tạng, sau đó hoặc nói hoặc làm, lúc được thành Phật, hoặc nói hoặc làm, độ tất cả thế gian, như người thấy ảnh, thấy Như Lai Tạng cũng lại như vậy, cho nên nói như ảnh tùy thuận, ý pháp trước hành ý thắng ý sinh, ý pháp là ác hoặc nói hoặc làm, các khổ tự tìm theo, như bánh xe theo vết, bài kệ đây nói về nghĩa phiền não, ý pháp ác, là bị vô lượng phiền não che khuất, tạo tác cái ác, nên gọi là ác, tự tánh tịnh tâm Như Lai Tạng vào nghĩa vô lượng phiền não, nhỡ như vậy chẳng dứt, hoặc nói hoặc làm tất cả các khổ thường theo chẳng tuyệt, như bánh xe theo vết nghĩa là các ác tích tập xe sinh tử xoay chuyển, tất cả chúng sinh ở trong ba thú ác, như bánh xe theo vết, cho nên nói đối với phước mà chậm hoãn là tâm vui thích ở ác pháp vậy, giải thích: Một niệm thanh tịnh thấy tánh Như Lai Tạng, năng tự độ và độ tha, thọ lạc tịnh diệt, như ảnh thuận thân, nếu một niệm tâm ác vào lưới trần lao đọa trong các thú, thọ khổ sinh tử như bánh xe theo vết, lấy ảnh thuận để thí dụ là,

tức thường chẳng lìa, lấy bánh xe theo vết để thí dụ, tức là nhanh chóng chuyển vậy, do đó thiện ác tùy tâm chưa từng gián đoạn, nếu người khéo lấy đức ngay đó mà giải thoát. Vì vậy trong kinh Đại Thừa Lý Thú nói: “Cho nên Bồ-tát quán sát năm cái bởi nhân gì mà khởi? Và làm sao để xa lìa? Bồ-tát trước phải nên quán: Sắc dục giống như trăng trong nước, nước động trăng động, tâm sinh pháp sinh, tâm tham dục cũng lại như vậy, niệm niệm chẳng trú, chóng khởi chóng diệt”. Trong kinh Đại Thừa Bản Sanh Tâm Địa Quán nói: “Dùng tâm thanh tịnh làm căn thiện nghiệp, dùng tâm bất thiện làm căn ác nghiệp, tâm thanh tịnh nên thế giới thanh tịnh, tâm tạp uế nên thế giới tạp uế”. Trong pháp Phật ta lấy tâm làm chủ, tất cả các pháp không gì chẳng do tâm, do đó như Thọ-đề sinh ở trong lửa, lửa chẳng thể hại, Phật đó là nghiệp báo trẻ con, chẳng phải chỗ ta làm, nên biết tự tâm tạo tác, lự khác chẳng đổi dời, thì đường lên xuống chẳng xa, báo đen trắng tại đây. Thiện ác quả báo tuy khác, đều từ vọng tưởng chỗ gương tâm hiện, như trong kinh Nhập Lăng-già có kệ tụng nói:

*“Thí như ảnh trong gương,  
Tuy thấy mà chẳng có,  
Huân tập gương tâm thấy,  
Phàm phu nói có hai,  
Chẳng biết chỉ tâm thấy,  
Cho nên phân biệt hai,  
Như thật chỉ biết tâm,  
Thì phân biệt chẳng sinh”.*

Nên biết nếu thật biết tâm, như trong gương tự thấy ảnh mặt, trọn chẳng ở ngoài trần vọng sinh chấp thủ, đã mở tướng buộc, biển nghiệp toàn khô. Như trong kinh Hiền Kiếp Định nói: “Tiêu diệt tất cả có nghiệp, trông thấy cội nguồn tất cả chúng sinh, đó gọi là trí tuệ”

Hỏi: Ý thức ở năm vị chẳng khởi thế nào là hành tướng năm vị năng khiến ý thức chẳng khởi?

Đáp: Trong luận Duy thức nói: “Trời vô tướng” nghĩa là do lực tu định đó nhằm chán tướng thô mà sinh trong cõi trời ấy, trái nghịch tâm chẳng hằng hành và tâm sở, lấy tướng diệt làm đầu, nên gọi là trời vô tướng, và hai định không tâm, nghĩa là định vô tướng và định diệt tận đều không có sáu thức, nên gọi là không tâm. Định vô tướng nghĩa là có hàng dị sinh phục biến tịnh tham chưa phục nhiễm trên, do tướng xa lìa tác ý làm đầu, khiến tâm chẳng hằng hành và tâm sở diệt, tướng diệt làm đầu, lập tên

vô tướng, khiến thân an hòa, nên cũng gọi là định. Định diệt tận nghĩa là có các bậc thánh vô học hoặc hữu học đã phục hoặc lia tham không chỗ có, tham trên chẳng định, do ngưng dứt tướng, tác ý làm đầu, khiến tâm chẳng hằng hành nhiễm ô và chẳng hằng hành nhiễm ô cùng tâm sở diệt, lập tên diệt tận khiến tâm an hòa, nên cũng gọi là định, không tâm ngã say và muộn tuyệt là, nghĩa là có hạng vô cùng ngủ say và muộn tuyệt, khiến sáu thức trước đều chẳng hiện hành, ở trong năm vị thì hàng vị sinh có bốn, trừ ở bậc thánh diệt định, chỉ có ba sau, ở trong Như Lai thì Bồ-tát tự tại chỉ được có một, không ngủ và muộn vậy. Giải thích: Trời Vô tướng với lực nhằm chán tướng thô, nghĩa là các ngoại đạo lấy tướng làm nhân của sinh tử, tức thiên lệch nhằm chán đó, chỉ sáu thức trước tướng, chẳng phải thức thứ bảy và thức tám, nên gọi là tướng thô, tướng tế vẫn còn, nên diệt ở sáu thức, thức thứ bảy và thức tám vì tế kia chẳng thể biết, nên chẳng diệt vậy, Định vô tướng phục biến tịnh tham, nghĩa là ở thiên thứ ba, thì không, thiên thứ tư, trở lên tham vẫn còn chưa phục, hiển bày lia dục vậy. Tướng định xa lia là, hiển bày tướng làm tướng Niết-bàn vậy, chẳng hằng hành v.v... diệt là, hiển bày chỗ diệt thức có ít nhiều vậy, tác ý phục nhiễm mà vào định là, quán tướng như bệnh, như nhọt, như mũi tên, ở chỗ sinh khởi các thứ trong tướng, nhằm chán trở ngược mà trú, chỉ nghĩa là vô tướng tịch tĩnh vi diệu, ở trong vô tướng trì tâm mà trú, như vậy dần lia các chỗ duyên, tâm bền tịch diệt, định diệt tận nghĩa là có các thánh vô học v.v... và hữu học là trừ sơ quả và nhị quả, chỉ thân chứng chẳng trở lại, người chứng quả thứ ba, ở trong hữu học trừ hàng dị sinh. Lia tham không chỗ có, tham trên chẳng chướng ngại định là vì diệt định chỉ nương định phi tướng và khởi, đây nương tựa mới đầu tu nhị thừa nên nói là lia, Bồ-tát phục chẳng lia tham, tức đây cũng gọi là định diệt thọ tướng. Trong năm vị đây, hàng vị sinh có bốn v.v... là trừ thánh định diệt tận chỉ có ba sau, Phật và hàng Bồ-tát từ bát địa trở đi chỉ được có một diệt định, không hai ngủ say và ngất xỉu, vì ác pháp nên hiện tự có ngủ và thật không có vậy, tức hàng nhị thừa vô học cũng có ngất xỉu vậy.

Hỏi: Định diệt tận và định vô tướng đều xứng không tâm, hai định ấy có gì khác biệt?

Đáp: Có bốn nghĩa chẳng đồng; xưa trước giải thích: Một là, căn cứ về người đắc khác, định diệt tận là thánh nhân đắc được, định vô tướng là phàm phu đắc được; hai là, kỳ nguyện khác: Nhập định diệt tận làm chánh dứt tướng cầu công đức nhập. Định vô tướng làm giải thoát nhập; ba là cảm quả và chẳng cảm quả khác, định vô tướng là hữu

lậu năng cảm quả báo trời Vô tướng riêng khác, định diệt tận là vô lậu, chẳng cảm quả ba cõi; bốn là, diệt thức ít nhiều khác, định diệt tận diệt thức nhiều gồm diệt phần nhiễm Mạt-na thức thứ bảy, định Vô tướng diệt thức ít, không diệt sáu thức trước.

Hỏi: Thân như các vị diệt tận không tâm v.v... đã là không tâm, cố sao chẳng ra khỏi ba cõi?

Đáp: Không tâm nghĩa là chỉ phục tâm thô sáu thức trước, cũng gọi là không tâm, tâm thức thứ bảy thứ tám vẫn tồn tại, chẳng phải toàn không tâm, như trong luận Thành Nghiệp nói: “Tâm có hai thứ: Một là, tâm tập khởi, là nơi vô lượng chủng tử tập khởi; hai là, tâm chủng chủng, là chỗ duyên hành tướng sai biệt chuyển, các vị diệt định v.v... khuyết tâm thứ hai, gọi là không tâm, như ngựa một chân khuyết một chân vậy, cũng gọi là không chân.”

Hỏi: Năm căn bốn đại chủng mà thành tất cả các pháp trong ngoài, pháp nào có đủ đại, pháp nào có đủ chủng?

Đáp: Xưa trước giải thích bốn câu chọn lựa là: Một là, đại mà chẳng phải chủng, tức hư không khắp cùng nên là đại, chẳng phải sinh nên chẳng phải chủng; hai là, chủng mà chẳng phải đại, tức năm căn v.v... năng sinh nên gọi là chủng, chẳng khắp cùng nên chẳng phải đại; ba là, cũng chủng cũng đại, tức địa thủy v.v... thể thoáng rộng nên gọi là đại, cùng sắc được tạo nên làm nương tựa nên gọi là chủng; bốn là, chẳng phân đại chẳng phải chủng, tức Thanh văn hướng đến tịch lặng.

Hỏi: Sáu căn phân thấy nghe hay biết đều đủ mấy lượng?

Đáp: Chuẩn cứ như luận Du-già thì có ba lượng: Một là, chứng lượng; hai là, tỷ lượng; ba là, chí giáo lượng. Trong luận nói: “Ba lượng kiến lập sáu căn, nương nhãn căn trong chứng lượng, tâm tâm số pháp gọi là thấy (kiến) còn nhĩ v.v... năm căn tâm tâm số pháp gọi là biết (tri) nương tỷ lượng, tâm tâm số pháp gọi là hay (giác) nương chí giáo lượng, tâm tâm số pháp gọi là nghe (văn).” Lại nói: Hoặc thấy hoặc biết nói năng nương ở hiện lượng, hoặc hay (giác) nói năng là nương ở tỷ lượng, hoặc nghe nói năng là nương ở chí giáo lượng. Giải thích: Chứng lượng, tức trước cảnh hiện tại, chứng minh chứng liễu gọi là chứng lượng, nhãn tâm tâm sở gọi là thấy, nhĩ v.v... năm căn tâm tâm số pháp ở trong chứng lượng, lúc rõ tự tâm, gọi chung là biết, ý căn tâm tâm số pháp ở trong tỷ lượng rõ cảnh giới riêng biệt, gọi là hay như cách tường thấy sừng, so biết là trâu, so lường suy cầu chỉ là ý căn, nương ở chí giáo lượng, tâm tâm số pháp gọi là nghe, tức ngôn giáo của bậc chí thánh gọi là chí giáo lượng, cũng gọi là Thánh ngôn giáo lượng, ở Tây

vực chọn pháp phải đủ ba lượng đây.

Hỏi: Trong bốn đại sáu căn lấy gì làm chủ?

Đáp: Lấy tâm làm chủ, vì bốn đại v.v... không tự thể, không lực dụng qua lại, nhân tâm mà có, nên xưng là chủ. Trong kinh Di Giáo nói: “Năm căn đây là do tâm làm chủ” đây nói rõ mới đầu gá thai, tâm trước hết các căn, nên gọi đó là chủ, nhưng chỉ một thời kỳ làm chủ cũng chẳng định vậy. Trong Thai giáo nói rõ tâm đó chẳng thể khống chế các căn, tâm là cửa thọ chung tất cả, như lúc thân bệnh, tâm cũng bệnh theo, sao được là chủ ư? Hoặc có lúc qua lại lượng bàn về chủ, như địa đủ bốn kém nhỏ thì độn lụt là do thủy khống chế, thủy có ba kém nhỏ, bị hỏa khống chế, hỏa chỉ hai kim nhỏ, bị phong khống chế, phong có một kim nhỏ, bị tâm khống chế, tâm không có kém nhỏ nên được làm chủ, lại vì bốn đại khuấy nhiễu làm não nên nghĩa chủ chẳng thành, nên không cánh chủ, lại nếu bốn đại mỗi mỗi giữ tánh nó là, địa giữ tánh cứng chẳng nên động, thủy giữ tánh ẩm ướt chẳng nên sóng, hỏa giữ tánh nóng nhiệt chẳng nên đốt cháy, phong giữ tánh động chẳng nên giữ, vì mất bản tánh thì, chẳng thật, chẳng thật nên không. Trong kinh Thỉnh Quán Âm nói: “Địa không có tánh cứng, thủy tánh chẳng dừng, hỏa theo duyên sinh, phong tánh không trở ngại, mỗi mỗi đều vào trong khoảng như thật” lại tâm cũng chẳng định, thiện ác đoạt nhau, nghiệp mạnh chín muồi kéo. Trong luận Duy Thức nói: “Tâm ý thức là dị danh của một pháp, đối số gọi là tâm, năng sinh gọi là ý, phân biệt gọi là thức, lại khởi trước là tâm, khởi tiếp là ý, rõ sau là thức, hoặc tâm thời nay tuy hành thiện mà nghiệp ác đời trước chín muồi đã cùng thời hợp. Tức thọ ác báo, nên bị nghiệp chín muồi kéo dắt. Hoặc tâm trong một đời tuy hành ác, mà đến lúc sắp chết, tâm thiện lớn mạnh, tức tùy thiện trên mà sinh lên nên là bị nghiệp mạnh kéo dắt. Lấy đó để biết trong thế gian không một pháp quyết định có tự thể, chỉ tùy duyên chuyển, niệm niệm chẳng tâm được vậy, nên chẳng thể định chấp một môn mà sinh lấy bỏ, tức mỗi mỗi pháp không thể dụng chẳng tự tại, niệm niệm chẳng thể được, thì đều vào trong khoảng như thật, ở trong khoảng thật tế, danh nghĩa đều dứt, như bốn nhãn vào Phật nhãn, mười trí vào thật trí, đều mất danh tự, như vật để vào đường mật, tợ sông chảy vào biển, mỗi mỗi khác vị, không gì chẳng là ngọt mặn, như muôn pháp quy về trong tông kính đồng tuân một đạo.

Hỏi: Tùy cảnh mỗi mỗi lập tên của sáu thức, đây nương tựa năm sắc căn chưa tự tại mà nói, ở vị tự tại mà nói, ở vị tự tại làm sao phân biệt?

Đáp: Nếu trong vị tự tại thì các căn hỗ dụng, như trong kinh Pháp Hoa nói rõ tị căn có thể thấy sắc. Trong luận Quán Tâm vv... nói: “Nếu được tự tại, các căn qua lại, một căn phát tức duyên tất cả cảnh, chỉ có thể tùy căn không cùng lạm mất”. Cho đến trong kinh Phật Địa nói: “Trí thành sở tác, quyết chọn tâm hạnh sai biệt của hữu tình khởi ba nghiệp hóa làm bốn ký v.v... nếu chẳng duyên khắp thì không có thể vậy” giải thích: Ba nghiệp hóa hợp có mười thứ. Trong kinh Phật Địa nói: Thân hóa ba: Một là, hiện thân thông hóa; hai là, hiện thọ sinh hóa; ba là, hiện nghiệp quả hóa. Ngũ (miệng) hóa cũng có ba: Một là, lời mừng ổn ngũ hóa; hai là lời nói, phương tiện hóa; ba là lời nói, biện vật ngũ hóa, ý hóa có bốn: Một là ý, quyết trạch hóa; hai là, ý tạo tác hóa; ba là, ý phát khởi hóa; bốn là, ý lãnh thọ hóa. Bốn ghi nhớ trong lãnh thọ hóa là: Một nghĩa là, một hương ghi nhớ; hai là, phân biệt ghi nhớ; ba là, hỏi ngược lại ghi nhớ; bốn là, im lặng để ghi nhớ. Trên đây tướng của sáu thức tổng thành môn của ba nghiệp, trong quả vị chưa chuyển y tùy lưu theo cảnh, phát chủng của tạp nhiễm, kết căn của sinh tử, chỉ khởi che buộc, chỉ giảng khổ tập, trái với tánh giác thanh tịnh, hợp với vọng trần xứ giới, lập thành quách của ba hữu, làm gợn sóng của bốn dòng, đến quả vị chuyển y, ngằm chân trở ngược dòng, tùy trí tuệ hành thành thiện vô lậu, thuộc đạo đế gồm, chánh lý tương ứng, hiện tâm diệu quán sát, quyết dẹp lưới nghi của bốn loài, làm trí thành sở tác, khởi nguồn hóa của ba luân, nếu vậy cứu xét đó ở tâm, trần lao làm diệu dụng của Bồ-đề, mất đó ở yếu chỉ, thường lạc làm khổ luân của sinh tử, nên biết nhiễm tịnh chẳng phải kẻ khác, được mất tại nơi ta, tự như tay ngựa úp, như người say tỉnh. Tại sao? ngựa cũng là tay, úp cũng là tay, cốt yếu là lúc ngựa chẳng phải là úp, lúc úp chẳng phải lúc ngựa, nhưng đều chẳng lìa tay, say cũng là người tỉnh cũng là người, cốt yếu lúc say chẳng phải lúc tỉnh lúc tỉnh chẳng phải lúc say cũng chẳng lìa say có tỉnh, lìa tỉnh có say, như mê cũng là tâm, ngộ cũng là tâm, cốt yếu lúc mê chẳng phải lúc ngộ, lúc ngộ chẳng phải lúc mê, nhưng mê ngộ chẳng phải riêng biệt, tức thời tiết có khác, chỉ tại Bát-nhã chuyển biến đến thời, một thể chẳng phải đời ngàn sai tự khác biệt, mê đó thì uổng gặp chìm đắm niệm niệm thành phàm, ngộ đó vốn tự tròn sáng, tâm tâm chứng thánh.

Hỏi: Tất cả các pháp đều nhờ mượn duyên sinh, ở trong tám thức mỗi mỗi đủ bao nhiêu duyên thành lập?

Đáp: Nhân có chín duyên: Một là, không duyên, nghĩa là hư không thông rộng không vật chướng ngại ở cảnh trước, gọi là không chướng

ngại, dẫn phát sinh khởi năng duyên thức vậy, lại lia khoảng giữa biết vậy; hai là, minh duyên, minh nghĩa là ánh sáng, lia tướng tối tăm vậy, phân minh hiển bày, mở cửa dẫn dắt năng duyên thức vậy; ba là, căn duyên, nghĩa là tự nhãn căn làm chỗ nương tựa vậy; bốn là, cảnh duyên, cùng thức năng duyên làm sở duyên vậy, dắt sinh dẫn phát thức năng duyên vậy; năm là, tác ý duyên, phát tác tâm ý năng sinh khởi vậy, ở nơi vị tâm chủng cảnh răn khiến sinh hiện, nơi vị hiện hành dẫn tâm đến cảnh; sáu là, căn bản duyên, nghĩa là thức thứ tám cùng nhãn v.v... các thức mà làm gốc rễ làm nguyên bản vậy, cùng bảy thức trước làm chỗ nương tựa vậy; bảy là, nhiệm tịnh duyên, nghĩa là thức thứ bảy cùng sáu thức trước đều làm chỗ nhiệm tịnh nương tựa; tám là, phân biệt duyên, nghĩa là thức thứ sáu phân minh liễu biệt đối với cảnh trước vậy; chín là, chủng tử duyên, nghĩa là chủng tử nhãn thức năng sinh hiện vậy, cũng gọi là thân biện tự quả duyên. Thân (gân) thật kiến lập, biện (rành rẽ) tự thức hiện hành, gọi là tự quả, nếu nhĩ thức duyên, đi thẳng ngay âm thanh, chỉ đủ tám duyên, trừ minh duyên (duyên ánh sáng) vì giả sử ở trong tối cũng năng nghe vậy. Nếu là tỷ thiệt thân ba thức lúc duyên hương vị xúc, chỉ đủ bảy duyên, trừ hai duyên hư không và ánh sáng, ba thức này là hợp với khoảng giữa biết nên chẳng cần không duyên. Nếu ý thức thứ sáu duyên tất cả cảnh tất cả thời, chỉ đủ năm duyên: Một là, căn bản; hai là, căn duyên; ba là, tác ý; bốn là, chủng tử; năm là, cảnh duyên. Trừ bốn duyên hư không ánh sáng phân biệt và nhiệm tịnh. Lại ý thức thứ sáu với trong bốn thức, hoặc định mộng độc tán, thì ba đây tức đủ năm duyên, còn nếu ý thức minh liễu thì tùy năm thức trước, hoặc thức thứ bảy, thứ tám, thứ chín v.v... có đủ duyên ít nhiều vậy. Nếu là thức thứ bảy ở trong vị hữu lậu, lúc duyên kiến phần thức thứ tám làm ngã, chỉ đủ ba duyên: Một là, căn bản duyên tức thức thứ tám; hai là, tác ý; ba là, chủng tử, nếu thức thứ tám lúc duyên chủng tử căn thân khí thế gian thì chỉ đủ bốn duyên: Một là, cảnh duyên tức ba cảnh trước; hai là, căn duyên tức thức thứ bảy; ba là, chủng tử; bốn là, tác ý. Nếu thêm đẳng vô gián duyên ở trên tám thức trước, lại mỗi mỗi thêm một duyên, thì nhãn tức đủ mười duyên v.v...

Hỏi: Tám thức ở trong ba cõi gồm có đủ chăng?

Đáp: Chẳng có đủ, các bậc cổ đức giải thích: Tám thức ở nơi ba cõi chín địa, nó có không như sau: Chỉ một địa ở Dục giới có đủ tám thức ở sắc giới, Sơ thiên một địa chỉ có sáu thức trừ hai thức tỷ và thiệt, từ Nhị thiên trở lên cho đến vô sắc giới trở lại chỉ có ba thức sau không có năm căn trước, ở dục giới: Người, trời, quỷ và súc sinh bốn thú đều

có tám thức. Đến trong địa ngục thú, địa ngục vô gián có năm thức trước, chỉ có ba thức sau, hoặc gồm có thức thứ sáu vì đã ở vị cực trọng muộn vậy.

Hỏi: Thế nào là các biến kế có không?

Đáp: Các bậc cổ đức nói: Năm thức trước và thức thứ tám không chấp, vì nhân duyên biến vậy chỉ có hiện lượng. Phàm là chấp hẳn phải gượng tư kế độ v.v... có chấp vậy, chỉ thức thứ sáu và thức thứ bảy có biến kế phân biệt vậy, tức hai thức thứ sáu và thức bảy có chấp, lại có bốn câu: Một, biến thì chẳng phải kế, tức độc đầu ý thức thứ sáu duyên khắp tất cả mà chẳng kế chấp; hai, kế chẳng phải biến, tức thức thứ bảy chỉ duyên A-lại-da kế độ; ba, cũng biến cũng kế, tức thức thứ sáu trong nhân có khắp cùng kế độ; bốn, chẳng phải biến chẳng phải kế, tức năm, thức trước chỉ duyên năm trần không kế độ vậy, năm thức trước mặc tình chứng cảnh, chẳng kẹt danh ngôn, chỉ là hiện lượng, thức thứ tám cũng vậy.